

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 07/2015/DS-ST

Ngày: 20/8/2015

*“V/v yêu cầu hủy hợp đồng
mua bán tài sản”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor Juh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Rmah Hoa

2. Ông Mai Chí Toan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Bá Thới – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2015, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 26/2015/TLST- DS ngày 05/3/2014, về việc *“Yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2015/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2015, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí M, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 4, phường C, thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Bá A, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện Phú Th, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện Phú Th, tỉnh Gia Lai

Bà Hồ Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Bá A (là chồng) tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 03 tháng 6 năm 2015.

2. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 4, phường Cheo Reo, thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2015; Bản tự khai ngày 05/3/2015; Biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2015; biên bản hòa giải ngày 24/4/2015 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Trí M trình bày:

Ngày 23/4/2014, tôi có sang nhượng cho ông Nguyễn Bá A một chiếc xe ô tô tải hiệu HYUN DAI, biển kiểm soát 81C-045-85 có số máy là D8AYL043875 và số khung KMFCA19VPMU007019 đời 1991 xuất xứ từ Hàn Quốc với giá là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) hai bên có làm giấy sang nhượng ngày 23/4/2014 do UBND phường C, thị xã Ayun P xác nhận, mỗi bên giữ một bản để thực hiện nghĩa vụ với nhau, nhưng ông Nguyễn Bá A không trả tiền cho tôi. Do đó tôi yêu cầu Tòa án hủy bỏ hợp đồng sang nhượng trên vì:

Thứ nhất, ông Nguyễn Bá A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể không trả số tiền 50.000.000đồng như trong hợp đồng sang nhượng trên.

Thứ hai, Hợp đồng đã ký có vi phạm pháp luật, cụ thể: hợp đồng không có số; Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Ayun P không đúng thẩm quyền chứng thực.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2015; các biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải ngày 24/4/2015 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Bá A trình bày:

Vợ chồng tôi có góp mua xe cùng vợ chồng anh Nguyễn Trí M, chị Hồ Thị H một chiếc xe ô tô tải hiệu HUYNDAI BKS 81C- 04585 với giá mua là 330.000.000đồng; cụ thể mỗi bên góp một nửa là 165.000.000đồng. Khi mua hai gia đình thống nhất ủy quyền cho anh M đứng tên trong giấy tờ xe. Quá trình làm hợp đồng thì Công ty Quốc Tiến đã ghi giá trong hợp đồng chỉ là 50.000.000đồng, theo tôi việc ghi giá trong hợp đồng chỉ 50.000.000đồng là tránh đánh thuế cao và hợp đồng đã được công chứng, tôi là người trực tiếp lái xe vận tải hàng hóa, một thời gian do vợ chồng anh M, chị H có mâu thuẫn thì anh M đòi lại phần tiền góp của mình là 30.000.000đồng và 800.000đồng tiền lãi. Sau khi vợ chồng tôi trả số tiền 30.800.000đồng theo yêu cầu của anh M thì anh M có lập giấy sang nhượng xe cho tôi để tôi đi làm lại giấy tờ mang tên Nguyễn Bá A để thuận tiện cho việc tham gia giao thông và cũng như thuận lợi trong việc giao dịch, vận chuyển hàng hóa, giấy được anh M đem đi xác nhận tại UBND phường C, thị xã Ayun P. Sau nhận tiền của gia đình tôi xong, anh M không chịu giao giấy tờ cho tôi mà anh M nói với tôi là giấy tờ đã mất do đó tôi tự làm lại giấy tờ và nay chiếc xe trên đã đứng tên tôi. Nay anh Nguyễn Trí M khởi kiện yêu cầu hủy giấy sang nhượng xe đó thì tôi

không đồng ý, bởi vì đây chẳng qua anh M bán lại phần vốn góp của ông ta và khi làm hợp đồng thì các bên tự nguyện, không ai lừa dối ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2015, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T trình bày: Chiếc xe ô tô tải trên là do hai vợ chồng tôi và vợ chồng anh Nguyễn Trí M, chị Hồ Thị H cùng góp tiền mua là 335.000.000đồng. Tuy nhiên phần của anh M đóng góp vào là 30.000.000đồng. Sau một thời gian làm ăn thấy không có hiệu quả thì anh M yêu cầu vợ chồng tôi trả lại phần vốn góp là 30.000.000đồng, vợ chồng tôi đồng ý đã đưa lại cho anh M số tiền 30.000.000đồng.

Hai bên có bàn bạc thống nhất cho anh M đứng tên trong cả vệt xe do anh M lớn tuổi và lo làm thủ tục nhanh. Tôi khẳng định trước khi anh M lập giấy sang nhượng xe ô tô cho anh Nguyễn Bá A thì tôi có được biết, hai gia đình có bàn bạc thống nhất, cả tôi và chị Hồ Thị H đều được biết. Ngày hôm sau vợ chồng tôi đem số tiền 30.000.000đồng cho anh M đồng thời anh M đưa giấy sang nhượng xe cho vợ chồng tôi một bản. Việc ghi giá trị chiếc xe 50 triệu trong giấy sang nhượng là để tránh thuế trước bạ cao và mục đích của việc lập giấy là để chuyển tên giấy tờ xe sang cho anh Nguyễn Bá A. Việc mua bán là tự nguyện của các bên đã thống nhất, nay anh M yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản đã xác lập thì tôi không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2015; biên bản hòa giải ngày 24/4/2015 và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H trình bày:

Nguyên trước đây tôi và anh M là vợ chồng và có góp vốn cùng mua xe tải cùng với vợ chồng anh Nguyễn Bá A, giữa chúng tôi là chị em với nhau. Số tiền góp của mỗi gia đình như sau: Tổng số tiền mua xe tải là 335.000.000đồng, tôi và anh M góp 165.000.000đồng nhưng phần riêng vốn góp của tôi là 130.000.000đồng còn phần vốn góp của anh M chỉ có 30.000.000đồng. Số tiền còn lại là của vợ chồng Nguyễn Bá A. Khi tôi và anh M xảy ra mâu thuẫn thì anh M yêu cầu Nguyễn Bá A trả lại phần vốn góp của anh M là 30.000.000đồng mục đích là sang nhượng toàn quyền chiếc xe đó cho Nguyễn Bá A và để Bá A làm cả vệt xe mang tên mình. Sau khi anh A trả lại tiền góp của anh M thì anh M làm giấy sang nhượng lại cho Bá A để làm giấy tờ lại mang tên Nguyễn Bá A. Việc anh M làm giấy sang nhượng này tất cả chúng tôi đều nhất trí. Nay anh Nguyễn Trí M kiện yêu cầu hủy giấy sang nhượng đó theo tôi là không có căn cứ, tôi đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào năm 2013, hai gia đình là anh Nguyễn Trí M, chị Hồ Thị H, anh Nguyễn Bá A và chị Hồ Thị T cùng nhau góp tiền mua 01 chiếc ô tô tải hiệu HUYN DAI; Biển kiểm soát 81C-04585, trị giá xe là 335.000.000đ mỗi bên góp một nửa số tiền là có thật. Sau khi mua xe các bên thỏa thuận để cho ông Nguyễn Trí M lo thủ tục mua bán và làm giấy tờ do ông Nguyễn Trí M đứng tên trong Cà vẹt xe, đồng thời giao xe ô tô cho ông Nguyễn Bá A trực tiếp sử dụng chuyên chở hàng hóa. Tuy nhiên, sau một thời gian do giữa anh M và chị H phát sinh mâu thuẫn, anh Nguyễn Trí M không muốn chung vốn nữa và có yêu cầu lấy lại phần vốn góp của ông M, đồng thời làm thủ tục sang tên cả vệt xe cho ông Nguyễn Bá A để thuận tiện trong việc sử dụng xe. Ngày 23/4/2014 giữa ông Nguyễn Trí M và ông Nguyễn Bá A có lập Giấy sang nhượng xe thể hiện ông Nguyễn Trí M có bán 01 chiếc xe ô tô tải nêu trên cho ông Nguyễn Bá A với giá trị là 50.000.000đ có xác nhận của UBND phường C, thị xã Ayun P.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Trí M yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe trên. Theo ông M lý do yêu cầu hủy là vì: ông Nguyễn Bá A chưa thanh toán số tiền theo hợp đồng mua bán 50.000.000đồng và hợp đồng mua bán xe lập ngày 23/4/2014 giữa ông Nguyễn Trí M và ông Nguyễn Bá A có vi phạm hình thức, cụ thể UBND phường C, Thị xã Auyn P không có thẩm quyền chứng thực giấy mua bán này.

Xét hợp đồng là giấy sang nhượng ngày 23/4/2014 giữa ông Nguyễn Trí M và ông Nguyễn Bá A thấy rằng: Chiếc xe ô tô tải hiệu HUYN DAI; Biển kiểm soát 81C-04585 là đồng chủ sở hữu của hai gia đình và để ông M đứng tên trong giấy tờ xe là có sự thỏa thuận của các đương sự. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa xác định việc ông M làm giấy sang nhượng xe cho Nguyễn Bá A thực chất đây là việc bán lại phần vốn góp của mình và đồng thời tạo điều kiện để ông Nguyễn Bá A được đứng tên trong giấy tờ xe để thuận lợi cho việc giao dịch, vận chuyển hàng hóa.

Như vậy, xét thấy giấy sang nhượng mà các đương sự lập ra là hợp pháp, quá trình giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có đương sự nào bị lừa dối, đe dọa. Ngoài ra, khi lập giấy sang nhượng các bên không có thỏa thuận điều kiện để hủy hợp đồng và hiện nay chiếc xe đã được làm thủ tục đứng tên Nguyễn Bá A xong, đồng thời trên thực tế ông Nguyễn Bá A đang sử dụng. Ngoài ra quá trình giao dịch các đương sự thể hiện ý chí tự nguyện bằng văn bản sang nhượng có nội dung: “...người được sang nhượng có toàn quyền định đoạt chiếc xe trên theo qui định của pháp luật”, nội dung trên anh M đã thể hiện sự tự nguyện của mình chuyển quyền sở hữu cho người khác do đó bản thân anh M không có yêu cầu đòi với chiếc xe

trên. Hơn nữa hợp đồng sang nhượng trên của các bên thể hiện việc đã giao chiếc xe cho bên được sang nhượng do đó hợp đồng này được coi đã hoàn thành và đã chấm dứt trên thực tế.

Xét yêu cầu hủy hợp đồng của ông M bởi lý do: ông Nguyễn Bá A vi phạm nghĩa vụ thanh toán và UBND Phường không có quyền chứng thực. HĐXX thấy việc xác nhận của UBND Phường là theo yêu cầu của đương sự, việc xác nhận này là chỉ chứng minh cho việc ông M có bán xe cho ông A, đồng thời loại hợp đồng này không bắt buộc phải công chứng. Hơn nữa các lý do mà ông M đã đưa ra để yêu cầu hủy là hoàn toàn không thuộc căn cứ, không thuộc điều kiện để hợp đồng phải bị hủy theo qui định của pháp luật. Trường hợp nếu ông Nguyễn Bá A chưa thanh toán tiền mua xe đối với ông M thì lẽ ra ông M có quyền yêu cầu ông Nguyễn Bá A phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho mình mới phù hợp với qui định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu hủy hợp đồng của ông Nguyễn Trí M là không có cơ sở hợp pháp nên không chấp nhận. Vậy cần bác yêu cầu này của ông Nguyễn Trí M.

Quá trình giải quyết án ông M cho rằng ông Nguyễn Bá A chưa trả số tiền 50.000.000đồng như trong giấy sang nhượng mà hai bên đã ký kết. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ trả nợ đối với ông Nguyễn Bá A nên HĐXX không giải quyết vấn đề này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tiền góp mua xe cũng như nghĩa vụ thanh toán thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trí M không được chấp nhận nên ông Minh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 122; Điều 123; 124; 171; 248 và 439 Bộ luật dân sự

Xử: Bác toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Trí M về yêu cầu hủy hợp đồng.

Về án phí:

Áp dụng khoản 3 Điều 12, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí
Tòa án;

Ông Nguyễn Trí M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001341 ngày 05/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Th, tỉnh Gia Lai. Ông M đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Th;
- Chi cục THADS (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Juh